

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THANH HÓA  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/DS-ST  
Ngày: 20-02-2025  
V/v: Tranh chấp hụi, họ

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Liên

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Ngọc Dũng  
2. Ông Nguyễn Ngọc Tuyên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Tố Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa:** Bà Dương Thị Kim Chi - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 02 năm 2025, tại Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 64/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 11 năm 2024 về việc: Tranh chấp hụi, họ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2024 giữa:

**- Nguyên đơn:** Bà Lê Thị K, sinh năm: 1957 (có mặt)

Địa chỉ: Phố Q, phường L, TP ., tỉnh Thanh Hóa

**- Bị đơn:** Chị Lê Thị D, sinh năm: 1977

Địa chỉ: Phố Q, phường L, TP ., tỉnh Thanh Hóa

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị Lê Phương L, sinh năm: 2002;

Địa chỉ: Số G, dãy A, hẻm A đường T, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

Chị Lê Thị D, Lê Phương L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị K trình bày:*

Xuất phát từ mối quan hệ hàng xóm, bà K biết chị D làm trong đội phụ nữ, sổ sách cho vay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở với Ngân hàng N tại phường T, là chủ hộ nên bà bắt đầu tham đóng họ từ tháng 9 năm 2022, cụ thể:

Chân thứ nhất (dây thứ nhất): Bà K tham gia góp 03 phần họ (xuất họ) thời gian góp họ từ tháng 9/2022, tính đến tháng 5/2024 đã góp 21 tháng/01 phần họ. Mỗi tháng góp 2.000.000đ x 03 phần họ x 21 tháng/phần họ = 126.000.000đ (một

trăm hai mươi sáu triệu đồng). Tiền lãi được hưởng: 400.000đ/tháng/phần họ x 21 tháng x 03 phần họ = 25.200.000đ. Tổng cả gốc và lãi: 151.200.000đ (một trăm năm một triệu hai trăm nghìn đồng).

Chân thứ hai (dây thứ hai): Bà K góp 01 phần họ và thời gian góp từ tháng 11/2022 đến tháng 5/2024. Số tháng đã góp họ là 19 tháng x 2.000.000đ/tháng = 38.000.000đ (ba tám triệu đồng). Tiền lãi: 400.000đ/tháng x 19 tháng x 01 phần họ = 7.600.000đ. Tổng cả gốc và lãi: 45.600.000đ

Từ tháng 9/2022 đến tháng 5/2024 bà K đã góp cho chị D gồm 04 phần: Số tiền góp họ: 164.000.000đ, tiền lãi: 32.800.000đ, tổng: 196.800.000đ (một trăm chín sáu triệu tám trăm nghìn đồng).

Tháng 6/2024 chị D tuyên bố vỡ họ, bà K nhiều lần đến nhà gặp chị D, yêu cầu chị D thanh toán lại số tiền bà đã góp họ và tiền lãi thì chị D có trả cho bà số tiền gốc 12.000.000đ. Quá tình giải quyết vụ án chị D có trả thêm cho bà số tiền 5.000.000đ. Hiện nay chị D còn nợ tiền góp họ của bà là 147.000.000đ và tiền lãi 20.800.000đ. Bà K đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị D trả số tiền góp họ 147.000.000đ (một trăm bốn mươi bảy triệu đồng). Đối với tiền lãi 20.800.000đ (hai mươi triệu tám trăm nghìn đồng) bà K xin rút không yêu cầu chị D phải trả.

*Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Lê Thị D trình bày:* Chị D thống nhất với ý kiến trình bày của bà K về thời gian góp họ, số tiền góp họ, cách thức góp họ, lãi được hưởng. Bà K tham gia góp họ tổng là 04 dây (chân họ) với tổng số tiền gốc là 164.000.000đ, bà K chưa nhận tiền lãi và chị D đã trả cho bà K số tiền gốc là 17.000.000đ, chị D còn nợ bà K số tiền gốc là 147.000.000đ.

*Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Lê Phương L trình bày:* Ngày 16/7/2024 được mẹ chồng là Lê Thị D có bàn giao số tiền mặt 12.000.000đ để trả cho bà K vì chị D lúc đó sức khỏe không ổn định, tinh thần không được minh mẫn nên chị D có nhờ chị ghi vài chữ vào tờ giấy nhận nợ với bà K, sau đó chị có ký tên nhằm mục đích là mẹ chồng chị đã trả cho bà K và chị là con dâu thì ký xác nhận giúp mẹ. Ngoài việc giúp chị D thì không còn lý do nào khác, sự việc giữa mẹ chị và bà K có chơi họ với nhau và nợ nần như thế nào thì chị không rõ bà cũng không liên quan. Chị L đề nghị được vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: áp dụng Điều 280; 357; 471; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định về hội, họ, biểu phùng; khoản 2 Điều 26, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), căn cứ nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định đây là tranh chấp “Hụi, họ” mà yêu cầu của nguyên đơn là buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền đã góp. Bị đơn có địa chỉ tại phường L, như vậy, vụ án này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

[2]. Về nội dung: Từ tháng 9/2022 đến tháng 5/2024 bà K đã góp cho chị D gồm 04 phân họ với tổng số tiền là 164.000.000đ. Ngày 17/6/2024 chị D có viết giấy nhận nợ với nội dung có nhận với bà Lê Thị K với tổng số 04 phân họ với số tiền là 164.000.000đ. Ngày 16/7/2024 chị D trả cho bà K số tiền 12.000.000đ, quá trình giải quyết vụ án chị D trả cho bà K số tiền 5.000.000đ. Hiện nay chị D còn nợ bà K số tiền góp họ gốc là 147.000.000đ.

Xét thấy việc chị Lê Thị D có nợ tiền họ bà K số tiền 147.000.000 đồng là có thật thể hiện tại biên bản hòa giải ngày 04/12/2024 và chị D thừa nhận đồng ý trả tiền cho bà K.

Việc bà K yêu cầu chị D phải trả số tiền đã đóng họ là 147.000.000đ là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 280; 471 BLDS nên HĐXX chấp nhận.

[3]. Về số nợ lãi: Theo giấy nhận tiền nợ ngày 16/7/2024 các bên không thỏa thuận lãi suất, nguyên đơn đề nghị số tiền lãi là 20.800.000đ. Trong giai đoạn xét xử nguyên đơn không yêu cầu tính lãi. Yêu cầu này của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên được chấp nhận.

[4]. Về án phí: Chị Lê Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bà Lê Thị K là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 244; 271; 273 của BLTTDS; Điều 280; 357; Khoản 1, 2 Điều 466; 471; 468 của BLDS; điểm đ Khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định về hụi, họ, biểu phường.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị K.

Buộc chị Lê Thị D phải trả cho bà Lê Thị K số tiền đã đóng họ là 147.000.000đ (một trăm bốn mươi bảy triệu đồng).

Đình chỉ phần rút yêu cầu không tính lãi của bà Lê Thị K đối với số tiền 20.800.000đ.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Lê Thị K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Lê Thị D không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 BLDS cho đến khi thanh toán xong.

Về án phí: Chị Lê Thị D phải chịu án phí DSST là 7.350.000đ (Bảy triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Bà Lê Thị K được miễn án phí DSST.

Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án niêm yết. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP. Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP. Thanh Hóa
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Trần Thị Liên**